

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

I. PRONUNCIATION

Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

- Question 1. A. which B. who C. where D. why
 Question 2. A. arrived B. mentioned C. ended D. loved
 Question 3. A. baskets B. books C. roofs D. changes

II. GRAMMAR AND STRUCTURE

Choose the best option (A, B, C or D) to complete each of the following sentences.

- Question 4. She suggested _____ money for the poor people in the region.
 A. to save B. saved C. saving D. save
- Question 5. Who looks _____ your children when you are away home?
 A. after B. for C. to D. at
- Question 6. Vietnamese people are very _____ and hospitable.
 A. friend B. friendless C. friendship D. friendly
- Question 7. They _____ Ha Long Bay last summer.
 A. visit B. will visit C. have visit D. visited
- Question 8. No one can deny the _____ of the Internet in our daily life.
 A. channels B. benefits C. purposes D. aims
- Question 9. Everyone has read the latest news on the website, _____?
 A. hasn't he B. haven't they C. don't they D. doesn't he
- Question 10. The children like playing football _____ is very popular in our country.
 A. which B. who C. whom D. when
- Question 11. A new air-conditioner will be _____ next weekend.
 A. installing B. to install C. installed D. install
- Question 12. I wish I _____ more about the logistics of the expedition.
 A. would know B. know C. can know D. knew
- Question 13. Why _____ go to the city main park for a change?
 A. we don't B. don't we C. we should D. we should not

III. COMMUNICATION

Choose the most correct option to complete each of the following exchanges.

- Question 14. Nancy: - "How about organizing a show to raise money?" – Peter: - " _____"
 A. That's a good idea. B. Well done.

C. That's very kind of you.

D. You're welcome.

Question 15. Anna: "I've won the championship." – Bill: " _____ "

A. Good luck.

B. It's nice of you to say so.

C. That's a good idea.

D. Congratulations!

IV. ERROR RECOGNITION

Choose the underlined word/ phrase (A, B, C or D) that needs correcting.

Question 16. Although Mrs. Thoa was tired, but she helped Tuan with his homework.

A. was tired

B. but

C. helped

D. with

Question 17. I'm really looking forward to work with you.

A. I'm

B. looking forward

C. to work

D. with you

Question 18. Mr. Pike, which got the award last month, is a good doctor.

A. which

B. got

C. award

D. is

V. GUIDED CLOZE TEST

Choose the correct option (A, B, C or D) that best fits each space in the following passage. (19)

Revising for exams is not as easy as it looks. You will need to work out with routine (19) _____ suits you best, and often stick to it. Some people like studying at night when it's quiet whereas others find the early morning is a good time to get things done. You might enjoy (20) _____ to music while you revise, but this can be unhelpful. Can you really concentrate on two things at one time? So, think (21) _____ you turn your radio on! Your diet is also important while you are revising. This may be a more than usually stressful period of your life, when you should take extra care to eat properly. No missed meals, or junk food, or endless cups of coffee! Get (22) _____ of exercise as well. If you've got fed up with what you are doing, or find it hard to concentrate, go for a walk to clear your head. Regular exercise will help you to keep your body fit and your brain working well. Finally, you also need to take time off. Go out (23) _____, see your friends, and relax. Then you will return to (24) _____ studies fresh and full of enthusiasm!

Question 19. A. which

B. what

C. who

D. where

Question 20. A. listen

B. listening

C. to listen

D. listened

Question 21. A. unless

B. if

C. before

D. after

Question 22. A. a lots

B. many

C. much

D. plenty

Question 23. A. occasion

B. occasionally

C. occasions

D. occasional

Question 24. A. their

B. our

C. your

D. her

B. PHẦN TỰ LUẬN

I. WORD FORM

Give the correct form of the word in each bracket.

Question 25. We always _____ Tet holiday with many traditional foods and games. (CELEBRATION)

Question 26. The children should ride their bikes _____ on the streets. (CAREFUL)

Question 27. What a _____ singer! (BEAUTY)

Question 28. What have fashion _____ done to modernize the Ao Dai? (DESIGN)

II. READING COMPREHENSION

Read the passage carefully and decide whether the following statements are True or False

Nowadays, with the help of Communication Technology, it is much easier for us to study or improve our knowledge. One way to do that is online learning in which people from one country can attend a college or university in another. Online learning is very convenient and cheap because we just stay at home and use a computer. Many universities in the world have been offering online classes for a number of years, and many students who have taken online classes say that they like them so much. Only reason is because they do not have to travel to a building at a busy timetable to listen to a professor.

In addition, learning online programs is also diverse, so learners can receive programs for all levels from a distance education. Some online programs are very good and believable. They provide students with all information they need to finish their course. However, you should not send money to any schools that say you can get a college degree without doing any work. These online courses might be illegal organizations. So, thinking carefully is necessary before getting an education online. Be alert!

Question 29. Online learning course is one of convenient ways to study more.

Question 30. Online learning is very difficult and expensive.

Question 31. Many students who have taken online classes say that they don't like them so much.

Question 32. The online programs are good and believable for the students to finish their courses.

III. WRITING

Part 1. Finish the second sentence so that it has the same meaning as the first ones.

Question 33. She doesn't study hard, so she cannot get good marks. (Use "conditional sentences")

=> If _____.

Question 34. "I play table tennis every afternoon." Nam said. (Change into "reported speech")

=> Nam said _____.

Part 2. Combine each pair of sentences into one using the given words.

Question 35. We often go to the communal house. It always opens on weekdays. (Use "which")

=> _____.

Question 36. My parents usually advise me to learn harder so that I can get high results. (Use "in order to")

=> _____.

--- THE END ---

HƯỚNG DẪN GIẢI

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

1. B	5. A	9. C	13. B	17. C	21. C	25. celebrate	29. True
2. C	6. D	10. A	14. A	18. A	22. D	26. carefully	30. False
3. D	7. D	11. C	15. D	19. A	23. B	27. beautiful	31. False
4. C	8. B	12. D	16. B	20. B	24. C	28. designers	32. True

33. If she studied hard, she could/ would get good marks.

34. Nam said (that) he played table tennis every afternoon.

35. We often go to the communal house which always opens on weekdays.

36. My parents usually advise me to learn harder in order to get high results.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. (NB)

Kiến thức: Cách phát âm “wh”

Giải thích:

A. which /wɪtʃ/

B. who /hu:/

C. where /weə(r)/

D. why /waɪ/

Phân gạch chân phương án B là âm câm, còn lại là /w/

Đáp án B

2. (NB)

Kiến thức: Cách phát âm “ed”

Giải thích:

A. arrived /ə'raɪvd/

B. mentioned /'menʃn/

C. ended /endɪd/

D. loved /lʌvd/

Phân gạch chân phương án C được phát âm là /ɪd/, còn lại là /d/

Đáp án C

3. (NB)

Kiến thức: Cách phát âm “s”

Giải thích:

A. baskets /'bɑ:skɪts/

B. books /bʊks/

C. roofs /ru:fs/

D. changes /tʃeɪndʒɪz/

Phần gạch chân phương án D được phát âm là /iz/, còn lại là /s/

Đáp án D

4. (TH)

Kiến thức: To V/ V-ing

Giải thích:

Cấu trúc: suggest + V-ing: đưa ra gợi ý

=> She suggested saving money for the poor people in the region.

Tạm dịch: Cô đề nghị tiết kiệm tiền cho người nghèo trong vùng.

Đáp án C

5. (TH)

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

Phrasal verb: look after = take care of: chăm sóc

=> Who looks after your children when you are away home?

Tạm dịch: Ai chăm sóc con bạn khi bạn vắng nhà?

Đáp án A.

6. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

A. friend (n): bạn

B. friendless (adj): không có bạn

C. friendship (n): tình bạn

D. friendly (adj): thân thiện

Sau to be nên chúng ta cần điền tính từ

friendly (adj): thân thiện

=> Vietnamese people are very friendly and hospitable.

Tạm dịch: Người Việt Nam rất thân thiện và hiếu khách.

Đáp án D

7. (TH)

Kiến thức: Quá khứ đơn

Giải thích:

last summer: mùa hè trước => chia thì quá khứ đơn

=> They visited Ha Long Bay last summer.

Tạm dịch: Họ đã đến thăm Vịnh Hạ Long vào mùa hè năm ngoái.

Đáp án D

8. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. channels (n): kênh

B. benefits (n): lợi ích

C. purposes (n): mục đích

D. aims (n): mục tiêu

=> No one can deny the benefits of the Internet in our daily life.

Tạm dịch: Không ai có thể phủ nhận những lợi ích của Internet trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

Đáp án B

9. (TH)

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Vế trái câu hỏi đuôi chia ở thể khẳng định thì hiện tại đơn (Everyone has) => vế sau câu hỏi đuôi chia thể phủ định thì hiện tại đơn (don't they)

=> Everyone has read the latest news on the website, don't they?

Tạm dịch: Mọi người đều đã đọc những tin tức mới nhất trên trang web rồi phải không?

Đáp án B

10. (TH)

Kiến thức: Đại từ quan hệ

Giải thích:

Vị trí cần điền thay thế cho chủ thể là vật (football) và đóng vai trò làm chủ ngữ trong câu (đứng trước "is")

=> chúng ta dùng "which"

=> The children like playing football which is very popular in our country.

Tạm dịch: Trẻ em thích chơi bóng đá, môn bóng đá rất phổ biến ở nước ta.

Đáp án A

11. (TH)

Kiến thức: To V/ V-ing

Giải thích:

will be + V-p2: thể bị động thì tương lai đơn

=> A new air-conditioner will be installed next weekend.

Tạm dịch: Một máy điều hòa không khí mới sẽ được lắp đặt vào cuối tuần tới.

Đáp án C

12. (TH)

Kiến thức: Câu ước

Giải thích:

Cấu trúc câu ước ở hiện tại dùng để diễn tả sự việc không có thực ở hiện tại:

S + wish(es) + (that) + S + V-quá khứ đơn

=> I wish I knew more about the logistics of the expedition.

Tạm dịch: Tôi ước gì tôi biết nhiều hơn về công tác hậu cần của chuyến thám hiểm.

Đáp án D

13. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Cấu trúc: “why don’t we”: dùng để đưa ra gợi ý, phía sau dùng động từ dạng nguyên thể

=> Why don’t we go to the city main park for a change?

Tạm dịch: Tại sao chúng ta không đến công viên chính của thành phố để thay đổi nhỉ?

Đáp án B

14. (TH)

Kiến thức: Ngôn ngữ giao tiếp

Giải thích:

Nancy: - “Tổ chức một show để quyên tiền thì thế nào?” – Peter: - “_____”

A. Đó là một ý tưởng hay.

B. Làm tốt lắm.

C. Bạn thật tốt bụng.

D. Không có gì.

Đáp án A

15. (TH)

Kiến thức: Ngôn ngữ giao tiếp

Giải thích:

Anna: “Tôi đã giành chức vô địch.” - Hóa đơn: " _____ "

A. Chúc may mắn.

B. Thật tốt khi bạn nói như vậy.

C. Đó là một ý tưởng hay.

D. Xin chúc mừng!

Đáp án D

16. (TH)

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

Cấu trúc: Although + S + V + O, S + V + O: mặc dù ... nhưng ... (không có “but” sau dấu phẩy nữa)

=> Although Mrs. Thoa was tired, she helped Tuan with his homework.

Tạm dịch: Dù mệt nhưng bà Thoa vẫn giúp Tuấn làm bài tập.

Đáp án B

17. (TH)**Kiến thức:** To V/ V-ing**Giải thích:**

Cấu trúc: to be looking forward to + V-ing: đang mong đợi điều gì đó

Sửa "to work" => to working

=> I'm really looking forward to working with you.

Tạm dịch: Tôi thực sự mong được làm việc với bạn.**Đáp án C****18. (TH)****Kiến thức:** Đại từ quan hệ**Giải thích:**

Mr. Pike là danh từ riêng chỉ người, sau đại từ quan hệ là động từ "got" nên chúng ta cần dùng "who"

=> Mr. Pike, who got the award last month, is a good doctor.

Tạm dịch: Ông Pike, người nhận được giải thưởng tháng trước, là một bác sĩ giỏi.**Đáp án A****19. (TH)****Kiến thức:** Đại từ quan hệ**Giải thích:**

"routine" (n): lịch trình nên chúng ta cần dùng "which"

=> Revising for exams is not as easy as it looks. You will need to work out with routine which suits you best, and often stick to it.

Tạm dịch: Ôn tập cho kỳ thi không dễ dàng như bạn tưởng. Bạn sẽ cần phải tập luyện với thói quen phù hợp với mình nhất và thường xuyên tuân thủ nó.**Đáp án A****20. (TH)****Kiến thức:** To V/ V-ing**Giải thích:**

Cấu trúc: enjoy + V-ing: thích làm gì đó

=> You might enjoy listening to music while you revise, but this can be unhelpful.

Tạm dịch: Bạn có thể thích nghe nhạc trong khi ôn tập, nhưng điều này có thể không có ích.**Đáp án B****21. (TH)****Kiến thức:** Liên từ**Giải thích:****A. unless:** trừ khi**B. if:** nếu

C. before: trước khi

D. after: sau khi

=> So, think before you turn your radio on!

Tạm dịch: Vì vậy, hãy suy nghĩ trước khi bật đài!

Đáp án C

22. (TH)

Kiến thức: Lượng từ

Giải thích:

Phía sau có “of” nên chúng ta dùng: plenty of: nhiều

=> Get plenty of exercise as well. If you’ve got fed up with what you are doing, or find it hard to concentrate, go for a walk to clear your head.

Tạm dịch: Tập thể dục nhiều là tốt. Nếu bạn chán ngấy việc mình đang làm hoặc khó tập trung, hãy đi dạo để đầu óc tỉnh táo.

Đáp án D

23. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Vị trí cần điền sau động từ “go out” nên chúng ta cần dùng trạng từ

=> Go out occasionally, see your friends, and relax.

Tạm dịch: Thỉnh thoảng hãy ra ngoài, gặp gỡ bạn bè và thư giãn.

Đáp án B

24. (TH)

Kiến thức: Tính từ sở hữu

Giải thích:

Tính từ sở hữu của “you” là “your”

=> Then you will return to your studies fresh and full of enthusiasm!

Tạm dịch: Sau đó, bạn sẽ trở lại với việc học tập của mình một cách tươi mới và tràn đầy nhiệt huyết!

Đáp án C

Dịch bài đọc:

Ôn tập cho kỳ thi không dễ dàng như bạn tưởng. Bạn sẽ cần phải tập luyện với thói quen phù hợp với mình nhất và thường xuyên tuân thủ nó. Một số người thích học vào ban đêm khi trời yên tĩnh trong khi những người khác lại thấy sáng sớm là thời điểm tốt để hoàn thành công việc. Bạn có thể thích nghe nhạc trong khi ôn tập, nhưng điều này có thể không có ích. Bạn có thể thực sự tập trung vào hai việc cùng một lúc không? Vì vậy, hãy suy nghĩ trước khi bật đài! Chế độ ăn uống của bạn cũng rất quan trọng trong khi bạn đang ôn tập. Đây có thể là giai đoạn căng thẳng hơn thường lệ trong cuộc đời bạn, khi bạn nên chú ý hơn đến việc ăn uống hợp lý. Không bỏ bữa, không ăn đồ ăn vặt, hay uống vô số tách cà phê! Tập thể dục nhiều là tốt. Nếu bạn chán

ngấy việc mình đang làm hoặc khó tập trung, hãy đi dạo để đầu óc tỉnh táo. Tập thể dục thường xuyên sẽ giúp bạn giữ được cơ thể cân đối và trí não hoạt động tốt. Cuối cùng, bạn cũng cần phải có thời gian nghỉ ngơi. Thỉnh thoảng hãy ra ngoài, gặp gỡ bạn bè và thư giãn. Sau đó, bạn sẽ trở lại với việc học tập của mình một cách tươi mới và tràn đầy nhiệt huyết!

25. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Vị trí cần điền sau chủ ngữ nên chúng ta cần điền tính từ

“always”: luôn luôn => chia động từ ở thì hiện tại đơn

celebration (n): lễ kỷ niệm => celebrate (v): tổ chức

=> We always celebrate Tet holiday with many traditional foods and games.

Tạm dịch: Chúng tôi luôn đón Tết với nhiều món ăn và trò chơi truyền thống.

Đáp án celebrate

26. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Vị trí cần điền sau động từ “ride” nên chúng ta cần điền trạng từ

careful (adj): cẩn thận => carefully (adv): một cách cẩn thận

=> The children should ride their bikes carefully on the streets.

Tạm dịch: Trẻ em nên đi xe đạp cẩn thận trên đường phố.

Đáp án carefully

27. (TH)

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

Vị trí cần điền đứng giữa mạo từ “a” và danh từ “singer” nên chúng ta cần điền tính từ

beauty (n): vẻ đẹp => beautiful (adj): xinh đẹp

=> What a beautiful singer!

Tạm dịch: Thật là một ca sĩ xinh đẹp!

Đáp án beautiful

28. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

design (v): thiết kế => designer (n): nhà thiết kế

Phía trước dùng “have” => đây là chủ ngữ số nhiều => fashion designers

=> What have fashion designers done to modernize the Ao Dai?

Tạm dịch: Các nhà thiết kế thời trang đã làm gì để hiện đại hóa áo dài?

Đáp án designers**29. (TH)****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Khóa học trực tuyến là một trong những cách thuận tiện để học thêm. => Đúng

Thông tin: Online learning is very convenient and cheap because we just stay at home and use a computer.

Tạm dịch: Học trực tuyến rất thuận tiện và rẻ vì chúng em chỉ cần ở nhà và sử dụng máy tính.

Đáp án True**30. (TH)****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Học trực tuyến rất khó khăn và tốn kém. => Sai

Thông tin: Online learning is very convenient and cheap because we just stay at home and use a computer.

Tạm dịch: Học trực tuyến rất thuận tiện và rẻ vì chúng em chỉ cần ở nhà và sử dụng máy tính.

Đáp án False**31. (TH)****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Nhiều sinh viên đã tham gia các lớp học trực tuyến nói rằng họ không thích chúng lắm. => Sai

Thông tin: Many universities in the world have been offering online classes for a number of years, and many students who have taken online classes say that they like them so much.

Tạm dịch: Nhiều trường đại học trên thế giới đã cung cấp các lớp học trực tuyến trong nhiều năm và nhiều sinh viên đã tham gia các lớp học trực tuyến nói rằng họ rất thích chúng.

Đáp án False**32. (TH)****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

Các chương trình trực tuyến rất tốt và đáng tin cậy để sinh viên hoàn thành khóa học của mình. => Đúng

Thông tin: Some online programs are very good and believable.

Tạm dịch: Một số chương trình trực tuyến rất tốt và đáng tin cậy.

Đáp án True**Dịch bài đọc:**

Ngày nay, với sự trợ giúp của Công nghệ Truyền thông, việc học tập hoặc nâng cao kiến thức của chúng ta trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Một cách để làm điều đó là học trực tuyến, trong đó mọi người từ một quốc gia có thể theo học một trường cao đẳng hoặc đại học ở một quốc gia khác. Học trực tuyến rất thuận tiện và rẻ vì chúng em chỉ cần ở nhà và sử dụng máy tính. Nhiều trường đại học trên thế giới đã cung cấp các lớp

học trực tuyến trong nhiều năm và nhiều sinh viên đã tham gia các lớp học trực tuyến nói rằng họ rất thích chúng. Lí do duy nhất là vì họ không phải đi tới tòa nhà với thời gian biểu bận rộn để nghe giáo sư.

Ngoài ra, chương trình học trực tuyến cũng rất đa dạng nên người học có thể tiếp nhận chương trình dành cho mọi cấp độ từ đào tạo từ xa. Một số chương trình trực tuyến rất tốt và đáng tin cậy. Họ cung cấp cho sinh viên tất cả thông tin họ cần để hoàn thành khóa học. Tuy nhiên, bạn không nên gửi tiền đến bất kỳ trường nào nói rằng bạn có thể lấy bằng đại học mà không cần làm bất kỳ công việc gì. Những khóa học trực tuyến này có thể là các tổ chức bất hợp pháp. Vì vậy, suy nghĩ cẩn thận là cần thiết trước khi học trực tuyến. Coi chừng!

33. (VD)

Kiến thức: Cấu trúc câu đồng nghĩa

Giải thích:

Câu gốc: Cô ấy không học chăm chỉ nên không thể đạt điểm cao.

Tình huống ở hiện tại nên chúng ta sẽ dùng câu điều kiện loại 2 để giả định ngược lại tình huống:

If + S + V-quá khứ đơn + O, S + would/ could (not) + V-infinitive + O.

=> If she studied hard, she could get good marks.

Tạm dịch: Nếu cô ấy học chăm chỉ, cô ấy có thể đạt điểm cao.

Đáp án If she studied hard, she could/ would get good marks.

34. (VD)

Kiến thức: Cấu trúc câu đồng nghĩa

Giải thích:

Khi viết lại bằng câu tường thuật chúng ta cần lùi thì và các ngôi:

- hiện tại đơn => quá khứ đơn: play => played

- I => he

=> Nam said that he played table tennis every afternoon.

Tạm dịch: Nam nói rằng anh ấy chơi bóng bàn vào mỗi buổi chiều.

Đáp án Nam said (that) he played table tennis every afternoon.

35. (VD)

Kiến thức: Cấu trúc câu đồng nghĩa

Giải thích:

Danh từ chung ở đây là “the communal house” và “it” => chúng ta dùng “which” thay thế cho “it” và làm chủ ngữ trong câu

=> We often go to the communal house which always opens on weekdays.

Tạm dịch: Chúng tôi thường đến ngôi đình luôn mở cửa vào các ngày trong tuần.

Đáp án We often go to the communal house which always opens on weekdays.

36. (VD)

Kiến thức: Cấu trúc câu đồng nghĩa

Giải thích:

in order to + V-nguyên thể: để làm gì đó = so that + clause (mệnh đề)

=> My parents usually advise me to learn harder in order to get high results.

Tạm dịch: Bố mẹ tôi thường khuyên tôi phải học chăm chỉ hơn để đạt được kết quả cao.

Đáp án My parents usually advise me to learn harder in order to get high results.